

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2021/DS-PT

Ngày: 06- 5 -2021

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Các Thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy.

Ông Lê Minh Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2021/TLPT-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện G bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2021/QĐPT-DS ngày 26 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Xuân K, sinh năm: 1990; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 29/7/2020). (có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Bị đơn: Ông Trần Văn Bé N, sinh năm: 1968; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho ông N: Ông Nguyễn Hữu D – Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Hữu D thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn Bé N;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 25/5/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Xuân K trình bày:

Do quan hệ bà con với nhau nên giữa bà Đ và ông N có hợp đồng mượn tiền vào tháng 9/2018. Bà Đ có cho ông N mượn tạm số tiền là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ông N viết giấy tay với nội dung: “cậu tám Bé Nhỏ có mượn cháu Đậm 200.000.000 hai trăm triệu đồng chẳng để trả tiền nhà nước lãnh ra trả lại cháu liên” và viết tên “Trần Văn Bé N” ký tên “Bé Nhỏ”. Ông N có hứa là sau thời gian 02 tháng sẽ trả nhưng ông N không thực hiện đúng theo hợp đồng đã hứa. Mục đích mượn tiền để trả nợ đáo hạn ngân hàng nhưng khi ông N vay tiền ngân hàng lại thì không trả cho bà Đ như đúng hẹn. Đến nay, bà Đ đòi rất nhiều lần nhưng ông N không thực hiện. Vì vậy, bà Đ có yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Trần Văn Bé Nhỏ trình bày:

Bà Đ là cháu dâu của ông, vào khoảng 2016, ông có vay tiền của bà Đ số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu) đồng và có viết giấy tay nhận nợ cho bà Đ với nội dung “cậu tám Bé Nhỏ có mượn của cháu đậm 200.000.000 hai trăm triệu đồng chẳng để trả tiền nhà nước lãnh ra trả lại cháu liên” và cuối dòng có chữ “Trần Văn Bé N”, xuống dòng ghi “Bé nhỏ”. Ông thừa nhận giấy tay nhận nợ với nội dung nêu trên là chữ ký, chữ viết của ông. Còn dòng chữ ký “Đậm” và dòng chữ “Cháu Đậm cho mượn” không phải là chữ viết của ông mà là của bà Đ viết. Tuy nhiên, thời gian ông vay tiền của bà Đ là vào năm 2016 với số tiền 200.000.000 đồng chứ không phải như bà Đ trình bày là ngày 09/9/2018 (âm lịch), mục đích ông vay tiền để trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Sau khi ông trả tiền cho Ngân hàng xong khoảng 01 tuần, ông tiến hành làm thủ tục vay tiền của Ngân hàng lại để trả tất nợ cho bà Đ số tiền 200.000.000 đồng, mặc dù hai bên không có ghi phần thỏa thuận lãi suất

trong giấy biên nhận xác nhận nợ nhưng ông có trả tiền lãi cho bà Đ với số tiền là 4.000.000 đồng. Khi ông trả tiền vay cho bà Đ có sự chứng kiến của ông Ngô Văn Hòa (chồng của bà Đ), địa điểm ông trả tiền là tại nhà của bà Đ ở ấp Bình Tiên 1, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre. Ông trả tiền xong nhưng bà Đ không đưa lại giấy biên nhận xác nhận nợ mà ông đã viết, bà Đ nói là đã xé bỏ giấy nợ rồi nên ông cũng tin tưởng và không yêu cầu đưa lại giấy xác nhận nợ nói trên. Nay bà Đ tiếp tục dùng giấy biên nhận xác nhận nợ để khởi kiện buộc ông trả số tiền 200.000.000 đồng thì ông không đồng ý, do ông đã trả tiền vay xong cho bà Đ. Ông không đồng ý việc bà Đ trình bày ông vay số tiền 200.000.000 đồng của bà Đ vào năm 2018 bởi vì khi đó ông có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 280.000.000 đồng nên không có vay tiền của bà Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G đã quyết định như sau:

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Buộc ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Bác yêu cầu của ông Trần Văn Bé N cho rằng đã trả xong số tiền cho bà Đ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo bản án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/2/2021, bị đơn ông Trần Văn Bé N kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn vì ông đã trả cho bà Đ số tiền 200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông Trần Văn Bé N vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày quan điểm: Tại phiên Tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bà Đ thừa nhận chữ ký Đậm và dòng chữ Cháu Đậm cho mượn là của bà Đ viết. Tuy nhiên chữ Đậm có dấu gạch ngang chứng tỏ ông N đã trả tiền cho bà Đ nên bà Đ mới gạch ngang chữ Đậm. Hơn nữa, ông Hòa là chồng của bà Đ (đã ly hôn) xác định ông N đã trả tiền cho bà Đ. Tòa cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của ông Ngô Văn Hòa, lẽ ra ông Hòa phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vì thời điểm bà Đ cho ông N mượn tiền là trong thời kỳ hôn nhân với ông Hòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Bé N, sửa Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 200.000.000 đồng là có căn cứ. Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Bé N, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Bé N;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Trần Văn Bé N có nghĩa vụ trả cho bà số tiền còn nợ là 200.000.000 đồng. Chứng cứ là giấy mượn tiền có chữ ký của ông Trần Văn Bé N. Bị đơn ông N cũng thừa nhận có vay của bà Đ số tiền là 200.000.000 đồng vào năm 2016, chính ông viết giấy tay và ký tên, trong nội dung biên nhận có thể hiện rõ: “cậu tám Bé Nhỏ có mượn của cháu đậm 200.000.000 đồng hai trăm triệu đồng chằng để trả tiền nhà nước lãnh ra trả lại cháu liên” và cuối dòng có chữ “Trần Văn Bé N”, và phía dưới cùng có bà Đ ký tên và bà Đ ghi thêm dòng chữ: “Cháu Đậm cho mượn”. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm nhận định ông N có vay của bà Đ số tiền là 200.000.000 đồng là phù hợp.

[2] Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông vay số tiền này là để trả nợ Ngân hàng và sau khi vay lại tiền của Ngân hàng thì ông đã trả lại số tiền này cho bà Đ. Khi ông trả số tiền này thì bà Đ cho rằng bà sẽ bỏ giấy tay ông viết. Tại phiên Tòa phúc thẩm ông cho rằng giấy mượn tiền bà Đ đã gạch bỏ chữ Đậm thể hiện ông đã trả tiền cho bà Đ nên bà Đ mới gạch bỏ. Tuy nhiên, việc gạch bỏ này không đủ căn cứ chứng minh ông N đã trả số tiền này cho bà Đ.

[3] Ông N cho rằng việc ông trả tiền cho bà Đ có sự chứng kiến của ông Ngô Văn Hòa, là chồng của bà Đ nhưng ông Hòa cho rằng ông không có chứng kiến việc ông N trực tiếp giao tiền cho bà Đ, ông chỉ có nghe bà Đ nói lại là ông N đã trả tiền xong nên không có căn cứ chấp nhận. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tham gia tố tụng của Hòa. Lẽ ra, ông Hòa phải được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy, tại vụ án xin ly hôn giữa bà Đ và ông N các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Số tiền này bà Đ là người đứng ra cho vay. Vì vậy bà Đ có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông N. Nếu có căn cứ ông Hòa có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung giữa ông và bà Đ.

[4] Ông N thừa nhận có vay của bà Đ số tiền 200.000.000đồng. Ông cho rằng đã trả bà Đ số tiền này nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên Tòa cấp sơ thẩm buộc ông trả cho bà Đ số tiền 200.000.000đồng là phù hợp.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Bé N. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G. Đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Văn Bé N phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn Bé N;

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2021/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện G.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 463, 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

2. Buộc ông Trần Văn Bé N có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Thị Đ số tiền vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

3. Bác yêu cầu của ông Trần Văn Bé N cho rằng đã trả xong số tiền cho bà Đ.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Bé N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Bà Nguyễn Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Đ số tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0000517 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

5. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Trần Văn Bé N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0006832 ngày 01/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ngọc Hương